

Số: 1826/SYT -KHTC  
V/v xây dựng dự toán NSNN  
năm 2016.

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 8 năm 2015

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện công văn số 2877/STC-NS ngày 15/7/2015 của Sở Tài chính về việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2016.

Sở Y tế hướng dẫn các đơn vị xây dựng dự toán 2016 như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2015.**

a) Thực hiện nhiệm vụ thu sự nghiệp y tế:

Căn cứ kết quả thực hiện thu 6 tháng và đánh giá ước thực hiện thu cả năm 2015. Các đơn vị đánh giá, phân tích đầy đủ tình hình thu phí, lệ phí, BHYT; nguyên nhân tăng, giảm số thu so với dự toán được giao. Đánh giá tình hình thu dịch vụ y tế theo Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 về việc ban hàng bảng giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đánh giá tình hình thực hiện thu phí, lệ phí, hoạt động dịch vụ, liên doanh liên kết.

b) Thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

- Đánh giá thực hiện kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ và kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ, phân tích nguyên nhân tăng, giảm so với dự toán giao. Đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tình hình thực hiện tiết kiệm chi các khoản chi thường xuyên 6 tháng đầu năm 2015.

- Đánh giá tình hình thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn, nêu thuận lợi, khó khăn, kiến nghị.

- Đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP, Nghị định 177/2013/NĐ-CP.

- Kết quả thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị nghiệp công lập.

- Đánh giá tình hình triển khai Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi; tình hình thực hiện Quyết định 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đặc thù và thường trực chống dịch; đánh giá mức độ tự chủ của các cơ sở khám chữa bệnh công lập trên các mặt (tự chủ về hoạt động tài chính, bộ máy), thực trạng cơ sở vật chất gắn với chất lượng khám chữa bệnh.

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 17/2012/NQ-HĐND; Nghị quyết 30/2012/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và các chế độ khác của ngành y tế.

## **II. Xây dựng dự toán Ngân sách nhà nước năm 2016:**

### **1) Dự toán thu:**

Căn cứ nhiệm vụ thu được giao, trên cơ sở đánh giá kết quả ước thực hiện năm 2015 xây dựng dự toán năm 2016, cụ thể như sau:

- Đối với các Bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh: Trên cơ sở xác định số thu dịch vụ khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 về việc ban hành bảng giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa của Hội đồng nhân dân tỉnh; các khoản thu phí, lệ phí, thu hoạt động dịch vụ, các nội dung thu khác để xây dựng dự toán thu năm 2016;

- Đối với cơ quan hành chính: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, dự kiến các khoản thu phí, lệ phí thu khác và các khoản thu phạt vi phạm hành chính; xác định số chi phục vụ cho các hoạt động thu phí, lệ phí theo quy định.

### **2) Xây dựng dự toán chi ngân sách:**

#### **a) Căn cứ xây dựng dự toán chi:**

- Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND ngày 11/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐND, Nghị quyết 23/2012/NQ-HĐND; Nghị quyết 03/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013; Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND;

#### **b) Các chế độ chính sách:**

- Các Nghị định của chính phủ: Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo; Nghị định 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp nghề đối với công chức, viên chức tại các cơ sở y tế công lập; Nghị định 34/2012/NĐ-CP về phụ cấp công vụ;

- Quyết định 73/2011/QĐ-TTg quy định chế độ phụ cấp đặc thù và thường trực chống dịch;

- Thông tư số 33/2013/TTLT-BYT-BTC của Liên Bộ Tài chính-Bộ Y tế hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định số 14/2012/QĐ-TTG ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTG ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo; Thông tư liên tịch số 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thông tư

liên tịch 08/2011/TTLT-BNV-BTC hướng dẫn Nghị định 116/2010/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính ban hành.

- Các Nghị quyết về chế độ, chính sách của tỉnh như: Nghị quyết 17/2011/NQ-HĐND về chế độ ưu đãi đối với ngành y tế; Nghị quyết 30/2012/NQ-HĐND về hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú là đồng bào dân tộc thiểu số, người thuộc diện hộ nghèo và người được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Các chế độ chính sách khác.

c) Nội dung xây dựng dự toán chi:

- Xác định dự toán chi đã ổn định năm 2015 (sau khi trừ các khoản chi phát sinh trong năm 2015 nhưng không tiếp tục phát sinh trong năm 2016) đồng thời bổ sung các nội dung sau:

- Xác định lại số lượng đối tượng chi (biên chế, giường bệnh...)

- Xác định quỹ tiền lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở 1.150.000đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do ngân sách đảm bảo bao gồm:

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số biên chế được duyệt, thực có mặt đến 01/7/2014, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương theo chế độ; các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Quỹ tiền lương, phụ cấp của số người làm việc theo chế độ hợp đồng không thời hạn quy định tại Nghị định 68/200/NĐ-CP thực tế có mặt tại thời điểm 01/7/2014 (cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vị trí việc làm), được xác định tương tự như đối với biên chế được duyệt.

- Chế độ chính sách mới tăng thêm chưa được bố trí trong năm 2015.

- Kinh phí trả cho các đối tượng hỗ trợ bằng thạc sỹ, tiến sỹ tại Nghị quyết 07/2014/NQ-HĐND ngày 9/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với các khoản kinh phí ngoài định mức:

+ Chương trình mục tiêu Quốc gia: Hiện nay Bộ Y tế chưa hướng dẫn chi tiết nội dung này, vì vậy đề nghị các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn cho từng đơn vị kèm dự toán chi tiết kinh phí để trình UBND tỉnh bổ sung bằng nguồn vốn sự nghiệp.

+ Các khoản kinh phí không thường xuyên như: Phòng chống dịch, suy dinh dưỡng, chương trình PHCN dựa vào cộng đồng, sức khỏe tâm thần, ISO cho Trung tâm kiểm nghiệm, chương trình phong, chương trình lao, chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, chương trình AIDS, các nội dung chi hoạt động chuyên môn cho các đơn vị...Đề nghị các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí riêng.

+ Đối với các nội dung trên nếu không có dự toán và kế hoạch hoạt động, Sở sẽ không đưa vào dự toán chung của ngành để trình Sở Tài chính.

- Đối với các Phòng trực thuộc Sở: Xây dựng dự toán kinh phí cho Đề tài nghiên cứu khoa học; dự toán chi đối với kinh phí xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí thực hiện cải cách hành chính và các nội dung khác thuộc nhiệm vụ được giao.

### III. Biểu mẫu và thời gian báo cáo:

Sở Y tế yêu cầu các lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo các bộ phận xây dựng dự toán đầy đủ theo các biểu mẫu số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 gửi về Sở Y tế trước ngày 12/8/2015, đồng thời gửi qua địa chỉ Email: [tranminhnam\\_syt@yahoo.com](mailto:tranminhnam_syt@yahoo.com).

Trong quá trình thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc liên hệ phòng Kế hoạch tài chính để được hướng dẫn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



**Bùi Xuân Minh**

## DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM...

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	LOẠI	KHOẢN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM...(NĂM TRƯỚC)	NĂM...(NĂM HIỆN HÀNH)		DỰ TOÁN NĂM...(NĂM KẾ HOẠCH)
					DỰ TOÁN	ƯỚC TH	
			1	2	3	4	5
			<b><u>A - TỔNG SỐ THU CỦA ĐƠN VỊ</u></b>				
<b>I</b>			<b>Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác</b>				
1			Thu phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng khoản phí, lệ phí)</i>				
2			Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3			Thu sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng khoản thu)</i>				
<b>II</b>			<b>Số thu nộp ngân sách nhà nước</b>				
1			Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2			Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3			Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
<b>III</b>			<b>Số thu được để lại đơn vị sử dụng theo chế độ quy định:</b>				
1			Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>				
2			Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hoạt động dịch vụ)</i>				
3			Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>				
<b>IV</b>			<b>Kinh phí ngân sách nhà nước cấp (1)</b>				
1			Dự toán chi thường xuyên (nếu có)				

2	Dự toán chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành			
3	Dự toán chi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng			
4	Chương trình mục tiêu quốc gia			
5	Chi đầu tư phát triển			
6	Chi khác (nếu có)			
	<b><u>B - TỔNG SỐ CHI CỦA ĐƠN VỊ (III + IV) (1)</u></b>			
1	Chi thường xuyên			
a	<i>Chi cho người lao động</i>			
b	<i>Chi quản lý</i>			
c	<i>Chi hoạt động nghiệp vụ</i>			
d	<i>Chi tổ chức thu phí, lệ phí</i>			
đ	<i>Chi sản xuất, cung ứng dịch vụ</i>			
e	<i>Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ</i>			
g	<i>Chi hoạt động thường xuyên khác</i>			
2	Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, ngành			
3	Chi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng			
4	Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia			
5	Chi thực hiện tinh giản biên chế			
6	Chi đầu tư phát triển			
7	Chi khác (nếu có)			

***Ghi chú:***

(1) Chi tiết theo từng nội dung chi và chi tiết theo mục lục NSNN.

*Ngày ...tháng ...năm ...*

Thủ trưởng đơn vị

*(Ký tên, đóng dấu)*

**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM ...**  
(Dùng cho Chi cục Dân số-KHHGD và Chi cục ATVSTP)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	LOẠI	KHOẢN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM...(NĂM TRƯỚC)	NĂM...(NĂM HIỆN HÀNH)		DỰ TOÁN NĂM...(NĂM KẾ HOẠCH)
					DỰ TOÁN	ƯỚC TH	
A	B	C	1	2	3	4	5
			<b><u>A - PHẦN THU</u></b>				
<b>I</b>			<b>Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác</b> <i>(Chi tiết từng khoản thu)</i>				
<b>II</b>			<b>Số thu nộp ngân sách nhà nước</b> <i>(Chi tiết từng khoản thu)</i>				
<b>III</b>			<b>Số thu được để lại</b> <i>(Chi tiết từng khoản thu)</i>				
			<b><u>B - PHẦN CHI (1)</u></b>				
<b>I</b>			<b>Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp</b>				
<b>1</b>			<b>Chi thường xuyên</b>				
<b>a</b>			Thanh toán cho cá nhân Mục 100 - Tiền lương Mục 101 - Tiền công ....				
<b>b</b>			Chi về hàng hoá dịch vụ Mục 109 - Thanh toán dịch vụ công cộng Mục 110 - Vật tư văn phòng .....				
<b>2</b>			<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
<b>a</b>			Chi mua hàng hoá, vật tư dự trữ Mục 138 - Hàng hoá vật tư dự trữ Nhà nước Mục 139 - Hàng hoá vật tư dự trữ NN chuyên ngành ....				
<b>b</b>			Chi đầu tư XD CB Mục 147 - Chi xây lắp Mục 148 - Chi thiết bị .....				
<b>II</b>			<b>Dự toán chi từ nguồn thu được lại</b>				
<b>1</b>			<b>Chi thường xuyên</b>				
<b>a</b>			Thanh toán cho cá nhân Mục 100 - Tiền lương Mục 101 - Tiền công				

A	B	C	1	2	3	4	5
b			..... Chi về hàng hoá dịch vụ Mục 109 - Thanh toán dịch vụ công cộng Mục 110 - Vật tư văn phòng .....				
2			<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
a			Chi mua hàng hoá, vật tư dự trữ Mục 138 - Hàng hoá vật tư dự trữ Nhà nước Mục 139 - Hàng hoá vật tư dự trữ NN chuyên ngành .....				
b			Chi đầu tư XD CB Mục 147 - Chi xây lắp Mục 148 - Chi thiết bị .....				
III			<b>Tổng số chi từ nguồn NSNN cấp và nguồn thu được để lại</b>				
1			<b>Chi thường xuyên</b>				
a			Thanh toán cho cá nhân Mục 100 - Tiền lương Mục 101 - Tiền công .....				
b			Chi về hàng hoá dịch vụ Mục 109 - Thanh toán dịch vụ công cộng Mục 110 - Vật tư văn phòng .....				
2			<b>Chi đầu tư phát triển</b>				
a			Chi mua hàng hoá, vật tư dự trữ Mục 138 - Hàng hoá vật tư dự trữ Nhà nước Mục 139 - Hàng hoá vật tư dự trữ NN chuyên ngành .....				
b			Chi đầu tư XD CB Mục 147 - Chi xây lắp Mục 148 - Chi thiết bị .....				

**Ghi chú:**

(1) Chi tiết theo từng nội dung chi và chi tiết theo mục lục NSNN.

Ngày ...tháng ...năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

Biểu số 03

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

Loại	Khoản	Mục	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
					Dự toán	Ước TH	
			<b><u>Tổng số</u></b>				
			<b><u>Chi thường xuyên</u></b>				
			Thanh toán cho cá nhân				
		100	Tiền lương				
		101	Tiền công				
		.....					
			Chi về hàng hoá, dịch vụ				
		109	Thanh toán dịch vụ công cộng				
		110	Vật tư văn phòng				
		.....					
		.....					

Ngày .... tháng .... năm ...

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Biểu số 4

## BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/7/2015

Đơn vị tính: hệ số

STT	Loại, khoản	Biên chế được duyệt 2015			Tổng biên chế có mặt đến 01/7/2015			HỆ SỐ LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP (Có cả các khoản đóng góp)											
		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng 68	TỔNG HỆ SỐ	Hệ số lương ngạch bậc	Trong đó								Các khoản đóng góp	
										Tổng hệ số phụ cấp	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	Phụ cấp vượt khung	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp lưu động		Phụ cấp khác
1	2	3		4			5	6	7	8	9	10	11	12	13	16	17	18	
	<b>Tổng</b>																		

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Tên đơn vị:.....

Biểu số 5

## BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền					
		Tổng	521	521 xã	523	526	khác
<b>A</b>	<b>Nguồn CCTL 2016</b>						
I	Số dư năm 2015						
III	Trích nguồn CCTL						
1	Viện phí						
2	BHYT						
3	Phí YTDP						
4	Thu khác						
<b>B</b>	<b>Nhu cầu năm 2016</b>						
1	Bù lương từ 730-1150 ngàn đồng						
2	Phụ cấp theo QĐ 73						
3	Chi phụ cấp ưu đãi ngành theo NĐ 56						
<b>C</b>	<b>Đề nghị cấp bổ sung năm 2016, trong đó</b>						
1	Bù lương						
2	Phụ cấp ưu đãi ngành						

Ngày tháng năm 2015

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị



**THUYẾT MINH CHI CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM ...**

Số T T	Tên đề tài, dự án nghiên cứu khoa học  <i>(Nêu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)</i>	Đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian		Kinh phí (triệu đồng)				Kinh phí thu hồi (triệu đồng)	Thời gian thu hồi
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng kinh phí được duyet	KP đã được bố trí đến năm...(năm hiện hành)	KP đã thực hiện đến thời điểm báo cáo	Dự kiến bố trí KP năm...(năm kế hoạch)		
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nhiệm vụ NCKH cấp Nhà nước</b></li> <li>- Đề tài, dự án thuộc các Chương trình KHCN, KHXX trọng điểm cấp Nhà nước</li> <li>- Đề tài độc lập cấp Nhà nước</li> <li>- Nhiệm vụ NCKH cơ bản</li> <li>- Đề tài, dự án NCKH bảo vệ môi trường</li> <li>- Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp Nhà</li> <li>+ Dự án bố trí từ ngân sách</li> <li>+ Dự án bố trí từ nguồn kinh phí thu hồi</li> <li>- ...</li> </ul>									
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nhiệm vụ KH cấp Bộ, cấp cơ sở</b></li> <li>- Các đề tài, dự án NCKH cấp Bộ</li> <li>- Các đề tài, dự án NCKH cấp cơ sở</li> <li>- Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp Bộ,</li> <li>+ Dự án bố trí từ ngân sách</li> <li>+ Dự án bố trí từ nguồn kinh phí thu hồi</li> </ul>									

Ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Biểu số 8

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGÀNH Y TẾ**

*DVT: triệu đồng*

Stt	Nội dung	Thực hiện 2015	Dự toán 2016
1	Kinh phí đào tạo		
2	Chế độ ưu đãi theo Nghị quyết 17		
3	Tiền ăn cho BNN và đồng bào dân tộc		
5	Chi phí KCB cho bệnh nhân nghèo theo QĐ 139		
6	Phụ cấp đặc thù theo Quyết định 73		
7	Phụ cấp ưu đãi ngành theo Nghị định 56		
8	Bù lương theo Nghị định 66		
9	Chế độ cho vùng khó khăn theo TT 08(kèm bảng chi tiết)		
10	Chế độ thâm niên nhà giáo theo NĐ 54(kèm bảng chi tiết)		
11	Kinh phí lễ, tết		
12	Quỹ khen thưởng (1% quỹ tiền lương ngạch bậc)		
13	Kinh phí sự nghiệp môi trường		
14	Hỗ trợ tiền bằng theo NQ 07/2014/NQ-HDND		
14	Kinh phí phòng chống dịch		
	Sốt xuất huyết		
	Cúm A		
	Tay chân miệng		
	....		
15	Kinh phí theo chế độ năm 2015 chưa cấp		
15	Các chế độ khác		
	<b>Tổng</b>		

**Ghi chú: Đối với từng nội dung, các đơn vị lập dự toán kèm theo thuyết minh chi tiết.**

**Lập biểu**

**Thủ trưởng đơn vị**

